

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT VŨNG TÀU

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10 (746)	Lớp 11 (765)	Lớp 12 (611)
I	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 thuộc địa bàn thành phố Vũng Tàu. - Tham gia kì thi tuyển sinh lớp 10 THPT do Sở Giáo dục và Đào tạo BR-VT tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh sinh sống thuộc địa bàn các phường, xã của thành phố Vũng Tàu. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Học sinh chuyên trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh sinh sống thuộc địa bàn các phường, xã của thành phố Vũng Tàu. - HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Học sinh chuyên trường phải đầy đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; được Sở Giáo dục và Đào tạo cho phép Hiệu trưởng duyệt kế hoạch giáo dục các bộ môn.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. 		

IV	<p>Các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bàn ghế thiết bị dạy học 1 ca/ngày. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bảng, ánh sáng, quạt, thoáng mát, trong mỗi lớp có hệ thống âm thanh, camera để quản lý việc học tập và nề nếp học sinh. - Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Học sinh tham gia hoạt động Đoàn, hoạt động Hội thanh niên, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trong và ngoài TP Vũng Tàu. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, hội khỏe Phù đồng,...). 	
V	<p>Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phần đầu 100% lên lớp thẳng. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh. 	
VI	<p>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng 100%. - Duy trì sĩ số ổn định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng 100%. - Duy trì sĩ số ổn định.

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Thị Huệ

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2.131	749	766	616
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	98,51%	98,10%	98,04%	99,40%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1,44%	1,90%	1,83%	0,60%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,04%		0,13%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
II	Số học sinh chia theo học lực	2.131	749	766	616
2	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	93,87%	95,50%	93,20%	92,90%
3	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6,13%	4,50%	6,80%	7,10%
4	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Kém (tỷ lệ so với tổng số)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2.131	749	766	616
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	26,91%	41,39%	39,43%	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	66,09%	53,00%	53,00%	92,53%
c	Học sinh tiến tiến (tỷ lệ so với tổng số)	6,76%	5,61%	7,57%	7,14%
2	Thí lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
4	Chuyển trường đến / đi (tỷ lệ so với tổng số)	0,24%	0,57%	0,12%	0,03%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm (tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%
IV	Học sinh đạt các giải các kỳ thi học sinh giỏi	115	48	29	38
1	Cấp tỉnh/ thành phố	217		140	77

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	616	0	0	616
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0	0	0	0
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đo đại học, cao đẳng	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nữ	1.208	428	429	351
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	29	8	16	5

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Thị Huệ

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT BÀ RỊA – VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT VŨNG TÀU

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2023 -2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	50	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	50	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhỏ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học		1
8	Bình quân học sinh/lớp		43,5
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	38.514	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	15.070	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²): 50 phòng x 48m ²	2.400	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	180	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²): 02 phòng x 45m ²	90	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	545	
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	180	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	4	
2	Khối lớp 11	4	
3	Khối lớp 12	4	
4	Khu vườn-sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	2.131 HS/ 84 bộ	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	05	
2	Cát sét	34	
3	Đầu Video/dầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác...	10	
6	Màn hình cảm ứng	42	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà căn tin	73,7

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	13	28			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 6 năm 2024

TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
VŨNG TÀU

Nguyễn Thị Huế

Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
TRƯỜNG THPT VŨNG TÀU

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023 -2024

ST T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TC CN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	118	105	13	0	46	64	0	3	9	
I	Giáo viên	101	93	8	0	42	62				
	Trong đó số giáo viên dạy môn										
1	Toán	14	12	2		8	6				
2	Lý	11	11			5	6				
3	Hóa	9	9			9	2				
4	Tiếng Anh	14	12	2		6	8				
5	Thể dục -GDQP	8	6	2		1	7				
6	Tin học	6	6			1	5				
7	Ngữ văn	14	13	1		4	10				
8	Lịch sử	5	5			1	4				
9	Địa lý	4	4			3	1				
10	Sinh học	7	6	1		4	3				
11	GD Công dân	4	4				5				
12	Tiếng Nhật	1	1				1				
13	Tiếng Pháp	3	3				3				
14	Công nghệ	1	1				1				
II	Cán bộ quản lý	4	4	0	0	4	0				
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	3	3			3					
III	Nhân viên	13	8	5	0	0	2	0	2	6	
1	Nhân viên văn thư	2	2				1		1		
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ	0									
4	Nhân viên y tế	1		1					1		
5	Nhân viên thư viện	0									
6	Nhân viên tạp vụ	6	3	3						3	
7	Bảo vệ	3	2	1						3	

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
VŨNG TÀU

Nguyễn Thị Huệ